

KHÁI NIỆM VĂN HÓA TRONG KHOA HỌC VỀ CON NGƯỜI

VŨ MINH CHI*

Có thể nói ít có khái niệm nào được nhiều người tham gia định nghĩa như khái niệm về văn hóa. Cũng chính vì vậy mà việc sử dụng khái niệm này trong cuộc sống cũng như trong khoa học dễ đem lại ấn tượng hơi bị lạm dụng. Bài viết này xem xét khái niệm văn hóa trong một khoa học nghiên cứu về con người là Nhân loại học văn hóa, trên cơ sở phân tích sự đa dạng và phức tạp của một khái niệm tưởng như gần gũi nhưng cũng hết sức mơ hồ đối với chúng ta.

Khái niệm văn hóa trong cuộc sống

Nếu để ý một chút có thể thấy rằng hầu như mọi sự kiện, hiện tượng trong cuộc sống đều có thể gắn được với văn hóa: hàng ngày, chỉ nghe tivi thôi cũng thấy đủ loại văn hóa được nêu ra như: “ngoại giao văn hóa”, “văn hóa chính trị”, “làng văn hóa”, “văn hóa làng”, thậm chí “văn hóa xe buýt”. Trên các phương tiện thông tin đại chúng, sách vở, từ điển, báo chí xuất hiện rất nhiều từ ngữ có sự gắn kết với văn hóa: chủ nghĩa đa văn hóa, giáo dục xuyên văn hóa, văn hóa công ty, văn hóa rừng, di sản văn hóa, văn hóa phúc lợi, văn hóa sống, phi văn hóa, văn hóa hành chính, bảo tồn văn hóa, kỷ niệm chương văn hóa, quỹ phát triển văn hóa, văn hóa mạng, hoạt động văn hóa, văn hóa thông tin, cách mạng văn hóa, văn hóa tuổi “teen”..., có những từ nghe thấy quen tai, có từ hoàn toàn mới, có thể dường như ra nhưng không dễ giải thích một cách cụ thể.

Có thể đặt ra một câu hỏi là vì sao khái niệm văn hóa lại phổ biến đến thế nếu không nói là được sử dụng một cách “thoải mái” như vậy. Trước hết, cần trả lời ngay rằng đó là do thái độ thiếu suy xét khái niệm một cách chặt chẽ về khoa học, nếu mượn lời của A. Shultz thì đó là *thái độ tự nhiên chủ nghĩa* (natural attitude). Nói khác đi, đó chẳng qua chỉ là một biểu hiện mang tính trực quan trước khi có sự gia công về khái niệm. Nếu bị dồn đến cùng với câu hỏi “thực ra thì trong trường hợp này, văn hóa nghĩa là gì”, chúng ta sẽ gặp một câu trả lời kết luận mang tính vô nghĩa và trống rỗng, chấm dứt mọi tranh luận, rằng “cái gì chả là văn hóa”. Nhưng nếu cố công tìm hiểu đến cùng, chúng ta sẽ thấy một sự chông chát vô định hình, một trạng thái dường như không thể xác định được đường biên cho khái niệm, bởi sự lặp đi lặp lại của phủ định: không phải là luật, không phải chính trị, không phải kinh tế, không phải khoa học, không phải kỹ thuật, không phải tự nhiên, không phải máy móc, và cũng không thể giải quyết được bằng tiền bạc. Kết quả mĩa mai là nỗ lực thao tác hóa khái niệm đối với văn hóa bị xem nhẹ khi coi nó giống như một thực tiễn của những cái còn lại.

Khái niệm văn hóa trong khoa học

Các nhà nghiên cứu Việt Nam thường hay nhắc đến công trình hệ thống lại khái

* TS.; Viện Nghiên cứu Con người.

niệm văn hóa: *Culture: A critical Review of Concepts and Definitions* (1952) của Kroeber Alfred và Kluckhohn, trong đó văn hóa được định nghĩa là: "...loại hình hành động được thu nhận và truyền đạt thông qua biểu tượng. Nó bao gồm những thứ được cụ thể hóa bằng hình thức do con người làm ra, có hình thức do từng tập thể người đạt được một cách riêng có. Bản chất của nó là các quan niệm mang tính truyền thống (tức là có từ lịch sử, được chọn lọc qua lịch sử) và các giá trị đi kèm".¹

Từ khi công trình này ra đời cho đến nay đã hơn nửa thế kỷ trôi qua, ngày nay người ta cho rằng số lượng định nghĩa văn hóa đã tăng lên nhiều, có người cho rằng có tới trên 600, tuy nhiên, định nghĩa thuộc hàng kinh điển của Tylor về văn hóa (1881) thì có lẽ không một nhà nghiên cứu văn hóa nào không biết đến, và mặc dù cũng bị các nhà nghiên cứu phê phán là chưa bao quát hết nội hàm của văn hóa song vẫn thường được họ trích dẫn, điều này phần nào cho thấy cho đến nay vẫn chưa có được một định nghĩa thời đại về văn hóa được đa số chấp nhận.

Khái niệm văn hóa trong *khoa học nghiên cứu về con người thông qua văn hóa* là Nhân loại học văn hóa thường được hiểu theo nghĩa tổng hợp là "phương thức sống", ví dụ văn hóa lúa nước. Tuy nhiên, đối với khái niệm văn hóa trong Nhân loại học văn hóa, một cách khái quát nhất thì có thể tổng kết thành 4 cách tiếp cận.

Cách thứ nhất nắm bắt văn hóa một cách tổng quát, thường sử dụng theo nghĩa *hệ thống* phương thức hành động hay phương thức sinh hoạt được các cá nhân trong một xã hội xác định, *thu nhận*, cùng sử dụng và truyền đạt lại. Ở đây có mấy điểm cần lưu ý như sau:

Thu nhận ở đây không bao gồm quá trình sinh lý như hít thở, cũng không bao gồm các hành vi không được sử dụng chung như là các thói tật riêng của cá nhân.

Hệ thống ở đây ý nói đến "một phức thể các yếu tố có liên quan lẫn nhau" với nghĩa một bộ phận thay đổi ít nhiều sẽ tác động đến toàn thể; điều này có thể thấy trong định nghĩa kinh điển của E.B.Tylor: *Văn hóa là một phức thể toàn diện bao gồm mọi năng lực và tập quán mà con người thu nhận được với tư cách thành viên của xã hội, như tri thức, tín ngưỡng, nghệ thuật, đạo đức, luật pháp, tập tục và những thứ khác nữa*.

Định nghĩa văn hóa của Tylor cũng thuộc loại tiếp cận này, vì thế cũng như định nghĩa của Tylor, cách tiếp cận này thường bị cho là quá bao quát. Ví dụ, C.Geertz cho rằng, cho đến nay vẫn chưa có được một định nghĩa chặt chẽ về văn hóa có sức ảnh hưởng mạnh mẽ và đó là một trong những vấn đề của nhân loại học hiện đại. Còn E.Leach thì nhận định rằng khái niệm văn hóa ở Mỹ và ở Anh không hoàn toàn giống nhau: trong khi nhà nhân loại học văn hóa Mỹ không ngừng "viết về văn hóa như là một chiếc áo hoàn toàn khác với con người mặc nó" thì các nhà nhân loại học xã hội Anh lại "không coi văn hóa là cái được tạo thành từ những bộ phận cấu thành có thể phân ly, không coi bản thân nó là cái có thể phân ly". Thực ra, nhân loại học văn hóa cũng không coi văn hóa cấu thành từ những yếu tố có thể tách rời, mà là một hệ thống hay cấu hình (configuration) trong đó sự thay đổi một bộ phận có thể ảnh hưởng đến toàn bộ.

¹ Kroeber Alfred và Kluckhohn, *Culture: A critical Review of Concepts and Definitions* (1952), tr.66. (1952).

Cách thứ hai coi văn hóa là hệ thống thích ứng với điều kiện tự nhiên. B.J.Megggers cho rằng con người cũng như các sinh vật khác, để sinh tồn thì cần thiết phải duy trì được mối quan hệ thích ứng với điều kiện xung quanh, và con người hoàn thiện sự thích ứng này thông qua văn hóa. Trong cách tiếp cận này, các yếu tố của tổ chức xã hội gắn với kỹ thuật, kinh tế, sản xuất là lĩnh vực trung tâm của văn hóa. Cách tiếp cận này có thể thấy trong “Chủ nghĩa duy vật văn hóa” (Cultural materialism) của M.Harris, “Chủ nghĩa tiến hóa văn hóa” (Cultural evolutionism) của E.Service, “Sinh thái học văn hóa” (Cultural ecology) bắt đầu từ J.Steward, “Sinh thái học nhân loại” (Human ecology) của R.Rappaport.

Cách thứ ba coi văn hóa là hệ thống khái niệm tương phản với cách coi văn hóa là hệ thống thích ứng. Sử dụng cách tiếp cận này, R.M.Keesing coi văn hóa là một hệ thống quan niệm (an ideational system), ông cho rằng “văn hóa với nghĩa đó, trở thành nền tảng của phương thức sống của con người, hình thành từ hệ thống quan niệm sử dụng chung, hệ thống khái niệm, nguyên tắc, ý nghĩa được thể hiện ra ở đó”. Tác giả W.Goodenough thì coi văn hóa là một loạt các chuẩn mực liên quan đến tri giác, tín ngưỡng, đánh giá, thông đạt và hành vi. Khái niệm văn hóa như một hệ thống khái niệm không hoàn toàn mới, có thể nhận biết nó trong định nghĩa văn hóa là “thiết kế (design) cuộc sống được tạo ra qua lịch sử” (1945) của C.Kluckhohn, W.H.Kelly.

Cách thứ tư nắm bắt văn hóa như một hệ thống biểu tượng. D.Schneider định nghĩa văn hóa là hệ thống biểu tượng và ý nghĩa. Và văn hóa hình thành từ những quy tắc liên quan đến phạm trù và hành vi. Geertz định nghĩa văn hóa được thể hiện ra ở hình thái biểu tượng (symbolic forms), “dạng thức (pattern) ý nghĩa được truyền lại qua lịch sử” và biểu tượng là “cái được hình thành từ phương tiện trung gian thể hiện nội dung ý nghĩa của vật thể, hành vi, sự kiện, tính chất và quan hệ”. Văn hóa giống như những mắt lưới do tự con người dệt nên, để nghiên cứu nó, cần phải tìm hiểu ý nghĩa, tiến hành diễn giải chứ không phải là tìm tính quy luật hay thuyết minh. Với ý nghĩa đó, nhân loại học trở thành khoa học diễn dịch tìm tòi ý nghĩa của văn hóa. Trong cách tiếp cận này, văn hóa như một phức thể bối cảnh mà để diễn giải nó, cần phải có sự “mô tả chi tiết cặn kẽ, dày dặn” (thick description) bắt nguồn từ mạch nguồn gọi là cuộc sống xã hội. Geertz còn dẫn ra thành quả nghiên cứu diễn dịch học về trường hợp văn hóa đảo Bali ở Indonesia. Cách nắm bắt biểu tượng luận về văn hóa cũng được V.Turner, R.Needham sử dụng dưới những lập trường khác nhau. Turner thì tìm tòi ý nghĩa biểu tượng của nghi lễ tộc người NDembu, trong khi Needham thì nghiên cứu về nhị nguyên luận biểu tượng. Hơn nữa, theo Keesing, có thể nói nhà nhân loại học cấu trúc Lévi-Strauss đã nắm bắt văn hóa như một hệ thống biểu tượng được sinh ra từ “tinh thần con người” (l'esprit humain).

Tương ứng với 4 cách tiếp cận này, nội dung khảo sát đối tượng văn hóa của nhân loại học được hình thành từ bốn mảng chính là văn hóa kỹ thuật (tương đương với hệ thống thích ứng), văn hóa giá trị (tương đương với hệ thống khái niệm), văn hóa xã hội (tương đương với lối sống) và văn hóa ngôn ngữ (tương đương với biểu tượng). Sau đây chúng ta sẽ tìm hiểu khái quát về 4 lĩnh vực này.

1) Văn hóa về kỹ thuật

Loài người xuất hiện trên trái đất đầu tiên ở trung Phi cách đây 4 triệu năm, từ đó đã nỗ lực mọi mặt vì cuộc sống, từ săn bắt hái lượm, sử dụng hang động để ở, chế tạo vũ khí để săn bắt và chống kẻ thù trong thiên nhiên, tìm ra các loại cỏ cây chữa bệnh và quần áo để tránh rét, làm ra các vò hũ để đựng... các kỹ thuật thỏa mãn nhu cầu ăn, mặc, ở đã biến đổi rất nhiều, ngày nay con người mặc quần áo vừa bền vừa đẹp, ăn thức ăn vừa bổ vừa ngon, sạch và sống trong những ngôi nhà vừa kiên cố vừa tiện nghi. Và hệ thống tri thức giúp con người có được cuộc sống vật chất như vậy chính là văn hóa kỹ thuật.

2) Văn hóa về giá trị

Con người là sinh vật có tình cảm, tức là các trạng thái xúc cảm và ý chí mà chỉ với tri thức và kỹ thuật thì không lý giải được. Các hành vi con người dựa trên tín ngưỡng sâu sắc (tôn giáo, ma thuật, thần thoại) đã tạo ra một thế giới mà cho dù tri thức phong phú đến đâu cũng không thể lý giải được. Điều này được gọi là “hệ thống của cái thiêng”. Bên cạnh đó, nghệ thuật là một hệ thống về cái đẹp (hội họa, điêu khắc, kiến trúc, thủ công, âm nhạc, múa, văn học) cũng có tính cách tương tự. Những bức tranh của các danh họa nổi tiếng thế giới được trao đổi với giá cả trên trời nhưng đối với những người không có ham thích thì chẳng có giá trị bao nhiêu (đốt để sưởi thì không bằng một viên than). Cái đẹp và kỹ thuật có quan hệ chặt chẽ với nhau, song cho dù kỹ thuật tinh xảo đến đâu cũng không thể thay thế được tình cảm và ý chí của tác giả sinh ra cái đẹp.

Đứng trong cùng phạm trù với cái thiêng và cái đẹp, còn có các chuẩn mực về đạo đức, nghi lễ, pháp luật để bảo vệ cuộc sống xã hội. Lĩnh vực này được gọi là “hệ thống của cái thiện”. Quy phạm, chuẩn mực là tiêu chuẩn của từng xã hội mà những con người sống ở đó phải tuân thủ, nó không phải là thứ được sinh ra từ sự tích lũy tri thức (không phán đoán hành vi cúi đầu và bắt tay chào, hành vi nào đúng và hay hơn, vì đó chỉ là vấn đề tập quán xã hội, tuy nhiên, các tập tục thói quen này lại có sức mạnh trói buộc con người, nếu không tuân thủ sẽ khó sống hòa đồng với các cá nhân khác). Khía cạnh “thiên”, “đẹp” và “thiện” này, nhân loại học văn hóa gọi là “văn hóa giá trị”, chi phối đằng sau những hành vi và phán đoán của con người trong cuộc sống hàng ngày.

3) Văn hóa về xã hội

Con người cũng được gọi là “sinh vật sống theo xã hội”, tức là luôn luôn sống trong trong các quan hệ với các cá nhân khác. Quan hệ xã hội đầu tiên là quan hệ ruột thịt, gia đình, thân tộc: quan hệ xã hội mang tính vận mệnh. Một vài tập thể có quan hệ ruột thịt sống tập trung trong một khu vực là tập thể khu vực thân quen như làng xóm hay quê hương. Các làng quê ở vùng nông thôn nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp đều là vùng có quan hệ gắn bó quê hương, họ hàng thân thích.

Tại các vùng đô thị sầm uất, con người lại sống khá biệt lập nếu không nói là sống giữa sự cô độc với hầu hết những người không có quan hệ họ hàng thân thích, quê hương, vì thế quan hệ xã hội của tập thể cô độc này sản sinh ra dựa trên những mô típ lợi ích chung hay mối quan tâm chung, từ đó sinh ra các tập thể mang tính chức năng, theo một trói buộc nhất định: chính đảng theo cùng một tư tưởng, công đoàn nhằm đoàn

kết nâng cao địa vị giai cấp, cấu lạc bộ của các thành viên cùng sở thích, nhóm tôn giáo cùng tín ngưỡng, và vô số tập thể gồm các thành viên gắn kết với nhau theo cùng một cam kết và các tập thể này đã hình thành nên chốn thành thị; cũng có quan hệ gia đình song một trong những đặc trưng nổi bật của xã hội đô thị là hình thành từ sự chông chất hàng nghìn, hàng vạn loại nhóm tập thể cam kết, với các thành viên gia nhập bằng ý chí tự do nhằm đạt một mục đích nào đó.

Con người với kỹ thuật cao và hệ thống quan điểm giá trị đa dạng đã tạo ra xã hội - khác với bầy đàn của con vật - bao gồm tập thể ruột thịt là gia đình, tập thể quê hương là xóm làng, cộng đồng và vô số tập thể cam kết khác. Các quốc gia cũng là hình thái của tập thể xã hội, trong đó tập thể lớn nhất chính là tổ chức Liên hiệp quốc hình thành từ 185 quốc gia.

4) *Văn hóa về ngôn ngữ*

Ngôn ngữ sinh ra do cơ quan phát âm ở con người phát triển khiến cho những âm thanh được kết hợp với nhau một cách tùy ý trở nên thông dụng với một nghĩa nào đó trong nhóm tập thể cùng chung sống. Con người đã tạo rất nhiều ngôn ngữ bằng các tổ hợp âm thanh và ngữ pháp. Trên thế giới, có đến vài nghìn ngôn ngữ và tất cả đều được tạo ra một cách tự nhiên, không do một cá nhân nào tạo ra cả và cũng không rõ vào giai đoạn tiến hóa nào của loài người thì sinh ra ngôn ngữ.

Nhờ tạo ra ngôn ngữ, con người có thể tự do truyền đạt cho nhau các ý nghĩa phức tạp và trừu tượng, đem lại ảnh hưởng không thể đo đếm được cho sự phát triển của văn hóa. Năng lực cố gắng thể hiện bằng ngôn ngữ những điều mình tư duy, tưởng tượng chính là nguồn gốc của vô số các phát minh lớn nhỏ của loài người.

Khoảng 5, 6 nghìn năm trước, con người còn phát minh ra chữ viết, và điều này đã làm cho văn hóa phát triển vượt bậc. Ngôn ngữ là thế giới của âm thanh, một khi phát ra là tan biến trong không gian. Tuy nhiên, chữ viết thì được lưu lại, nhờ đó có thể truyền đạt thông tin cho người ở xa bất kỳ đâu, bất kỳ lúc nào (ở cách xa hàng mấy thế kỷ) nhờ những điều được lưu lại bằng chữ viết này. Ngôn ngữ và chữ viết đều là sản phẩm do con người sáng tạo ra, đến lượt nó, văn hóa ngôn ngữ có ảnh hưởng vô cùng to lớn tới sự tích lũy và phát triển của văn hóa con người.

Tóm lại, trong bài viết này, đứng trên lập trường của nhân loại học văn hóa, có thể định nghĩa *văn hóa như một nhân tố vừa là sản phẩm vừa là sự tác động trở lại đối với phát triển con người, thể hiện dưới bốn chiều cạnh cơ bản là văn hóa về kỹ thuật, vật chất; văn hóa về giá trị; văn hóa về xã hội và văn hóa về ngôn ngữ, biểu tượng*. Đương nhiên là bốn chiều cạnh này có sự gắn kết không thể tách rời trong khái niệm văn hóa, sự phân chia này chỉ nhằm làm thuận tiện cho việc nghiên cứu triển khai trong khoa học này. Khái niệm văn hóa bốn chiều cạnh này cho phép nhà nghiên cứu tiếp cận vấn đề nghiên cứu – ví dụ phát triển con người - khá toàn diện, từ văn hóa hữu hình đến vô hình, từ văn hóa kỹ thuật vật chất đến văn hóa tinh thần, từ khía cạnh giá trị đến khía cạnh xã hội, trở thành một cách tiếp cận hữu ích cho những nghiên cứu lý giải căn nguyên sự lựa chọn ưu tiên hành động của con người, từ đó giúp can thiệp chính sách tác động hiệu quả tới sự phát triển con người.

Cách nhìn văn hóa trong khoa học không lồng quan điểm giá trị ở bên trong, vì vậy khách quan hơn cách nhìn văn hóa trong cuộc sống (không đánh giá văn hóa cao thấp mà chú trọng đến bản sắc hay tính đa dạng của những văn hóa khác nhau). Hơn nữa, khái niệm văn hóa trong khoa học mang tính *mô hình khái niệm* tức là đã được làm đơn giản hóa nhằm thuận lợi cho việc nghiên cứu, vì vậy khi vận dụng (mô hình khái niệm) cần lưu ý đến tính gắn kết không thể tách rời giữa các yếu tố cấu thành được tạm thời phân cắt trong mô hình.

Tài liệu tham khảo

1. Kroeber Alfred và Kluckhohn (1952), *Culture: A critical Review of Concepts and Definitions*.
2. Vũ Minh Chi (2004), *Nhân học văn hóa – Con người, xã hội và thế giới siêu nhiên*. Nxb. CTQG.
3. G.Furuta, S.Ishii, R.Okabe, K.Hirai, T.Kume (2001), *Keywords in Intercultural Communication*. Yuhikaku. Tokyo.
4. K.Sato, S.Yoshimi (2007), *The Sociology of Culture*. Yuhikaku.Tokyo.